TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2026/DS-ST
Ngày: 08-9-2026.
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghĩa;

2. Ông Võ Canh Nông.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 961/2026/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C;

Địa chỉ: A Phố L, Phường H, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: số A đường N, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết T: ông Phạm Hồng V – chức vụ: Giám đốc Phòng C (Quyết định ủy quyền số: 10107/QĐ-PGD ngày 19-11-2025).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hồng V: ông Hồ Văn L, Phó Giám đốc Phòng C (Quyết định ủy quyền số: 19/QĐ-PGD ngày 20-01-2026); có mặt.

Bị đơn:

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh; số CCCD 072155006178, cấp ngày 12/8/2021; vắng mặt.

- Ông Trịnh Văn L1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh; số CCCD 072082011879, cấp ngày 20/8/2022; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Ngày 07/12/2018, gia đình bà N được Ban Q và vay vốn xét duyệt cho vay vốn tại Phòng C theo chương trình hộ mới thoát nghèo, vay số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, lãi suất 8,25%/năm, lãi quá hạn 130%/năm, tiền lãi trả hàng tháng vào ngày 06. Thời hạn vay là 60 tháng, phân kỳ trả nợ gốc là 12 tháng, số tiền 5.000.000 đồng. Bà N có ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 04/12/2018. Tại thời điểm vay thành viên hộ gia đình bà N gồm có 02 người là bà N và ông Trịnh Văn L1. Ông L1 có ký giấy ủy quyền cho bà N đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C.

Sau khi vay, bà N có trả cho Phòng C 5.144.000 đồng tiền lãi. Hiện khoản vay đã quá hạn trả nợ lãi, nợ gốc. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng hộ bà N vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 08/9/2026, hộ bà N còn nợ Ngân hàng C xã hội số tiền 35.895.904 đồng, trong đó nợ gốc 25.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.270.836 đồng, nợ lãi quá hạn 625.068 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà N, ông L1 trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng và tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 7 năm 2026, bị đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Năm 2018, bà N có đại diện hộ gia đình vay tại Phòng C số tiền 7.000.000 đồng, sau đó vay thêm 10.000.000 đồng, số tiền còn lại do chồng bà vay. Thời gian đầu bà có đóng tiền lãi, sau đó do gia đình khó khăn nên bà không có khả năng trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 7 năm 2026, bị đơn là ông Trịnh Văn L1 trình bày:

Năm 2018, bà N có vay của Ngân hàng C số tiền 25.000.000 đồng. Ngân hàng cho vay theo hộ, ông có ủy quyền cho bà N đại diện hộ gia đình vay. Mục đích vay là để xóa đói, giảm nghèo, thực tế gia đình ông dùng số tiền này để xây nhà. Ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L, bị đơn bà N và ông L1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến*:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự, thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C, buộc bà Lê Thị N và ông Trịnh Văn L1 cùng có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền 35.895.904 đồng, trong đó nợ gốc 25.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.270.836 đồng, nợ lãi quá hạn 625.068 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 09/9/2026 đến khi trả xong hết nợ.

- Về án phí sơ thẩm dân sự: bà N được miễn án phí dân sự sơ thẩm, ông L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng C khởi kiện bà N, ông L1 yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 04/12/2018. Bà N và ông L1 có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông L, bị đơn là bà N, ông L1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà N, ông L1 thấy rằng:

Ngày 16/11/2018, bà Lê Thị N đại diện hộ gia đình ký với Ngân hàng C Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay số tiền: 25.000.000 đồng, được Ngân hàng phê duyệt ngày 04/12/2018. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 60 tháng, kỳ trả nợ gốc là 12 tháng/lần số tiền 5.000.000 đồng; lãi suất vay 8,25%/năm, lãi suất quá hạn 130%/năm, tiền lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 06. Sau khi vay, hộ bà N có trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 5.144.000 đồng, chưa

thanh toán tiền nợ gốc, hiện khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Bà N, ông L1 xác định có vay tiền của Ngân hàng C và đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa hộ bà N và Ngân hàng C là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, số tiền nợ gốc và tiền lãi phù hợp với Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, bảng kê tính lãi và các tài liệu chứng cứ khác. Bà N và ông L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc bà N, ông L1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C, tổng số tiền nợ tính đến ngày 08 tháng 9 năm 2026 là 35.895.904 đồng, trong đó nợ gốc 25.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 10.270.836 đồng, nợ lãi quá hạn 625.068 đồng.

Kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 04/12/2018 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ số 6600000714183961. Trường hợp trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được chấp nhận nên ông L1 phải chịu 1/2 án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nghĩa là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 280, 282, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Lê Thị N và ông Trịnh Văn L1 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc bà Lê Thị N và ông Trịnh Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ là 35.895.904 (ba mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm lẻ bốn) đồng, trong đó nợ gốc 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 10.270.836 (mười triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, tám trăm ba mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn 625.068 (sáu trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 04/12/2018 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ số 6600000714183961. Trường hợp trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Văn L1 phải chịu 897.000 (tám trăm chín mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 11 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Nguyên